

QUYỀN CỦA NGƯỜI LẬP DI CHỨC VÀ QUYỀN THỪA KẾ

Quyền lập di chúc và quyền thừa kế là những quyền quan trọng được pháp luật dân sự ghi nhận và bảo vệ nhằm bảo đảm tính tự do, tự nguyện của cá nhân trong việc định đoạt tài sản của mình sau khi qua đời. Thông qua di chúc, cá nhân có thể thể hiện ý chí của mình trong việc phân chia tài sản, chỉ định người thừa kế, hoặc đặt ra các điều kiện, nghĩa vụ cụ thể đối với những người thừa kế. Nội dung dưới đây sẽ trình bày chi tiết các quy định về quyền của người lập di chúc, quyền thừa kế, các hình thức di chúc, điều kiện để di chúc hợp pháp và những quy định liên quan theo Bộ luật Dân sự như sau:

1. Quyền thừa kế:

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.

2. Quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân

Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

3. Người lập di chúc có quyền:

- Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế.
- Phân định phần di sản cho từng người thừa kế.
- Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng.
- Giao nghĩa vụ cho người thừa kế.
- Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.

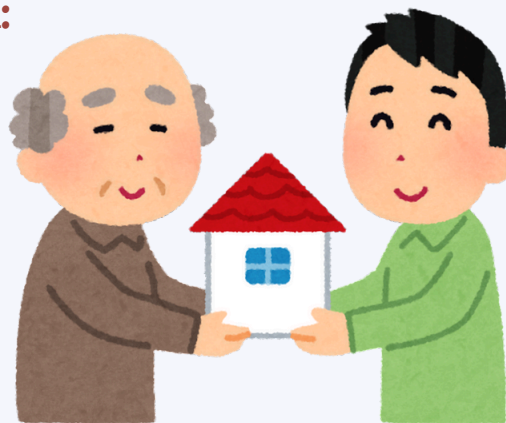


4. Hình thức của di chúc: Di chúc phải được lập thành văn bản; (nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng).

5. Di chúc hợp pháp

a) Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện:

- Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép;
- Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.



b) Di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc.

c) Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.



d) Di chúc bằng văn bản không có công chứng, chứng thực chỉ được coi là hợp pháp, nếu có đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

đ) Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng.